TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2026

V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Bà Phạm Thị Ngọc Diệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Võ Thị Hồng Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Bùi Đinh Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: khu 10 ấp 3, xã P1, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Hồ Văn Vũ B, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông Hồ Văn Vũ B kết hôn năm 2016, hôn nhân do tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/9/2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vì quan điểm sống không hợp, không còn tình cảm với nhau, mặc dù hai bên đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, đến nay không còn chịu đựng được nên đã ly thân với nhau.

Nay bà xác định không còn tình cảm với ông B nên bà yêu cầu ly hôn ông Hồ Văn Vũ B.

Về con chung: bà và ông B có 01 con chung là Hồ Bảo Ng, sinh ngày 18/11/2016. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông B không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do bận công việc và điều kiện di chuyển khó khăn nên bà không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà có đơn xin vắng mặt tại Tòa án và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông Hồ Văn Vũ B đến để tiến hành hòa giải nhưng ông B vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị P khởi kiện ông Hồ Văn Vũ B yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Hồ Văn Vũ B là bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

Bà Nguyễn Thị P có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Hồ Văn Vũ B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị P và ông Hồ Văn Vũ B kết hôn với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/9/2026, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà P cho rằng sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vì quan điểm sống không hợp, không còn tình cảm với nhau, mặc dù hai bên đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, đến nay không còn chịu đựng được nên đã ly thân với nhau. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông B để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thể hiện ông không muốn hàn gắn tình cảm với bà P. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà P và ông B là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P.

[2.2] Về con chung: bà P và ông Hồ Văn Vũ B có 01 con chung là Hồ Bảo Ng, sinh ngày 18/11/2016. Bà P trình bày, bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, 02 con chung Hồ Bảo Ng đang sống cùng với bà P và cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà P nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của bà P, giao con chung là Hồ Bảo Ng, sinh ngày 18/11/2016 cho bà Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận bà P không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị P tự thỏa thuận với ông Hồ Văn Vũ B, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà Nguyễn Thị P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn ông Hồ Văn Vũ B, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Hồ Văn Vũ B.

2. Về con chung: giao con chung là Hồ Bảo Ng, sinh ngày 18/11/2016 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hồ Văn Vũ B không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Hồ Văn Vũ B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị P tự thỏa thuận với ông Hồ Văn Vũ B, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị P phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008257 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

6. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị P và ông Hồ Văn Vũ B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trực